

## **Bài 15. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CỦA ĐÔNG NAM Á**

### **I. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC**

Sau bài học, HS cần biết :

- Sử dụng các tư liệu có trong bài, phân tích, so sánh số liệu để biết được Đông Nam Á có số dân đông, dân số tăng khá nhanh, dân cư tập trung đông đúc tại các đồng bằng và vùng ven biển, đặc điểm dân số gắn với đặc điểm nền kinh tế nông nghiệp với ngành chủ đạo là trồng trọt, trong đó trồng lúa gạo chiếm vị trí quan trọng.

- Các nước vừa có những nét chung, vừa có những phong tục tập quán riêng trong sản xuất, sinh hoạt, tín ngưỡng tạo nên sự đa dạng trong văn hoá của khu vực

### **II. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý CỦA BÀI HỌC**

#### **1. Trọng tâm bài**

- Đặc điểm về dân số và sự phân bố dân cư Đông Nam Á.
- Đặc điểm về văn hoá, tín ngưỡng của người dân Đông Nam Á.

#### **2. Những nội dung chi tiết**

Những nét chung và riêng trong sản xuất, sinh hoạt của người dân Đông Nam Á.

- *Nét chung :*

- + Cư dân Đông Nam Á biết trồng lúa nước từ lâu đời, bên cạnh đó có nghề rừng và nghề biển hỗ trợ cho việc ổn định cuộc sống. Mưa nắng, sông nước là hai yếu tố chủ đạo cho hoạt động trồng lúa nước nên trong

thần thoại, cổ tích, trò chơi dân gian, lễ hội thường thấy xuất hiện những yếu tố này như hội đua thuyền, hội đắp núi cát, chơi thả diều, chơi rồng rắn... Người In-đô-nê-xi-a và người Việt Nam cùng có trống đồng ; người Phi-líp-pin và người Việt Nam cùng có điệu múa sạp với những thanh tre, bương, nứa ; người Tây Nguyên có nhiều nét điệu khác, điệu dân ca, điệu múa dân tộc và truyền thuyết giống ở nhiều dân tộc của Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a ; người Thái ở miền Bắc Việt Nam có nhiều làn điệu dân ca gần với người Lào, người Thái Lan.

- + Bên cạnh lúa nước là cây lương thực chính, các nước còn trồng lúa nương (trên đồi, ruộng bậc thang), khoai, sắn ; chăn nuôi ít phát triển do thói quen ăn uống của người dân không có nhu cầu cao về thịt, sữa.
- + Người nông dân chủ yếu sống trong các làng mạc núp dưới bóng tre hoặc dừa và tạo thành những cộng đồng gắn bó với nhau.

– *Nét riêng :*

- + Tính cách, tập quán, văn hoá từng dân tộc không trộn lẫn với nhau : cùng là công chiêng bằng đồng nhưng người Mường, người Ba-na, Ê Đê, Xtiêng và người Ma-lai-xi-a, người In-đô-nê-xi-a có cách đánh và múa không giống nhau. Từ tre, trúc người Tây Nguyên của Việt Nam tạo nên đàn K'rông-put, đàn Tơ-rung,... trong khi người Thái, người Lào, người Phi-líp-pin lại làm ra cây sáo với các giai điệu, âm sắc khác nhau.

### **3. Sự đa dạng trong tôn giáo, tín ngưỡng**

– Ấn Độ giáo và Phật giáo theo chân các thương gia Ấn Độ, tu sĩ Bà La Môn và các nhà sư đã xâm nhập vào các quốc gia cổ đại ở Đông Nam Á ngay từ đầu Công nguyên và hoà nhập với những tín ngưỡng và tập tục của người địa phương để dần trở thành nền văn hoá Ấn Độ giáo hoặc Phật giáo rất khác biệt ở từng quốc gia và khác với chính những tôn giáo gốc ở Ấn Độ. Nhờ vào ảnh hưởng của các tôn giáo đến từ Ấn Độ mà Đông Nam Á đã xây dựng những kì quan kiến trúc và nghệ thuật như Ăng-co (Cam-pu-chia), Bô-rô-bu-đua (In-đô-nê-xi-a), tháp Chăm-pa (Lào)... Ngày nay ảnh hưởng của Ấn Độ giáo trong đời sống thường ngày của người dân Đông Nam Á không còn sâu sắc như trước kia.

– Hồi giáo cũng theo các thương gia vào Đông Nam Á từ thế kỉ XII-XIII. Các quốc gia trên bán đảo Trung Ấn cải giáo theo giáo phái khác nhau (Tiểu thừa,

Đại thừa, Nho giáo, Khổng giáo...) nên ít chịu ảnh hưởng của Hồi giáo, khi Ấn Độ giáo sa sút thì Hồi giáo thay thế ở đa số các nước trên các quần đảo. Ấn Độ giáo lùi về đảo Ba-li của In-đô-nê-xi-a.

- Thiên Chúa giáo được các nhà truyền đạo phương Tây đưa đến Đông Nam Á cùng thời gian với các cuộc xâm chiếm thuộc địa tại khu vực này (thế kỷ XVII – XVIII) và xuất hiện ở một số vùng của Phi-líp-pin, Việt Nam...

### III. CÁC THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT

- Bản đồ phân bố dân cư châu Á.
- Bản đồ phân bố dân cư khu vực Đông Nam Á.

### IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN BÀI HỌC

Mở bài : GV yêu cầu 2 HS cho biết mức độ tập trung dân cư tại khu vực Đông Nam Á qua việc nhắc lại kiến thức về phân bố dân cư đã học ở bài dân cư châu Á. Sau đó GV khẳng định đây là khu vực đông dân và có dân cư sinh sống từ lâu đời với những đặc điểm riêng, qua phân tích tư liệu của bài HS sẽ được biết đến.

#### Mục 1. Đặc điểm dân cư

GV yêu cầu nhóm HS giải quyết bài tập trong SGK sau đó đại diện 2 nhóm lên báo cáo kết quả làm việc, các nhóm khác nghe và nhận xét, bổ sung. Kết quả cụ thể như sau :

- + Dân số Đông Nam Á đông, chiếm 14,2% dân số châu Á và 8,6 % dân số thế giới (có thể nêu nhận xét mặt thuận lợi và không thuận lợi của số dân đông này).
- + Mật độ dân số trung bình của khu vực thuộc loại cao so với thế giới (119 người/km<sup>2</sup>, gấp hơn hai lần) song tương đương với mật độ của châu Á.
- + Tỷ lệ gia tăng dân số của khu vực còn cao hơn so với của châu Á và thế giới.
- + Đông Nam Á gồm 11 nước, trên bán đảo Trung Ấn là các nước : Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan, Mi-an-ma, Ma-lai-xi-a ; các nước trên đảo gồm : In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Bru-nây, Phi-líp-pin, Đông Ti-mo, Ma-lai-xi-a (ở cả bán đảo và đảo), thủ đô của các nước này thường nằm gần hoặc ngay vùng ven bờ biển.

- + Diện tích của Việt Nam tương đương với Phi-líp-pin và Ma-lai-xi-a song dân số của Việt Nam hơn Ma-lai-xi-a khá nhiều, gấp trên ba lần và tương đương với dân số của Phi-líp-pin, nhưng mức gia tăng dân số của Phi-líp-pin cao hơn Việt Nam. Hiện nay, cả hai nước đều đang thực hiện những chính sách nhằm hạn chế tốc độ gia tăng dân số, cải thiện chất lượng cuộc sống.
- + Ngôn ngữ được dùng phổ biến tại các quốc gia trong khu vực là : tiếng Anh, tiếng Hoa và tiếng Mã Lai. Các nước trong quần đảo có lợi thế hơn trong sử dụng ngôn ngữ chung là tiếng Anh. Các nước còn lại của khu vực sẽ gặp khó khăn trong giao tiếp với nhau do không có chung thứ tiếng để sử dụng.
- + Dân cư Đông Nam Á tập trung chủ yếu ở vùng ven biển và các đồng bằng châu thổ.

GV chốt lại đặc điểm như trong phần tóm tắt bài.

## **Mục 2. Đặc điểm xã hội của các nước Đông Nam Á**

GV cho HS đọc đoạn văn đầu của mục 2 trong SGK sau đó cho một số HS lấy ví dụ về những nét chung và riêng ở một số nước trong sản xuất, sinh hoạt để chứng minh nhận xét nêu trong bài. GV bổ sung thêm những hiểu biết về đặc điểm xã hội của khu vực.

Tiếp theo yêu cầu từng HS sử dụng SGK và những hiểu biết có sẵn để cho biết khu vực này có bao nhiêu tôn giáo, nơi hành lễ của các tôn giáo như thế nào. GV có thể chốt lại ở đây có cả Phật giáo, Hồi giáo, Ấn Độ giáo, Thiên chúa giáo. Ngoài ra GV cần bổ sung thêm về những tín ngưỡng mang tính địa phương và chịu ảnh hưởng của Trung Quốc như Nho giáo, Khổng giáo và có thể nêu thêm về sự phân bố chủ yếu của những tôn giáo này như sau :

- + Phật giáo : Thái Lan, Lào (quốc đạo), Cam-pu-chia, Mi-an-ma, Việt Nam.
- + Hồi giáo : Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Bru-nây, Xin-ga-po.
- + Thiên chúa giáo : Phi-líp-pin, rải rác ở In-đô-nê-xi-a, Việt Nam.
- + Ấn Độ giáo : rải rác ở Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Cam-pu-chia.
- + Tín ngưỡng địa phương : Việt Nam, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a.

GV nên giải thích thêm lí do của sự đa dạng trong tín ngưỡng của các nước trong khu vực.

GV cho HS thấy được khu vực Đông Nam Á bị nhiều nước chiếm đóng phản ánh lịch sử đi xâm chiếm đất đai của các đế quốc phương Tây, đồng thời cho thấy sự giàu có về tài nguyên thiên nhiên và vị trí chiến lược của khu vực Đông Nam Á.

HS sử dụng các thông tin trong bảng 15.2 giới thiệu về các nước để tìm tên hiệu các nước (nước cộng hoà hay vương quốc) và ngôn ngữ thường dùng tại các nước. Ba nước có tên gọi vương quốc là Bru-nây, Cam-pu-chia, Thái Lan, còn lại là nước cộng hoà. Ngôn ngữ của các nước rất khác nhau. Chỉ có một số ngôn ngữ được sử dụng ở 2 hoặc 3 nước như Ba-ha-sa, Mã Lai, Hoa, Anh. Điều đó gây khó khăn trong việc mở rộng giao lưu kinh tế, văn hoá giữa các nước.

## V. GỢI Ý TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI KHÓ

1. Mật độ dân số trung bình của khu vực Đông Nam Á tương đương so với mật độ dân số trung bình của châu Á và cao hơn nhiều so với thế giới, song dân cư phân bố không đều. Quan sát hình 6.1. cho thấy dân cư tập trung đông (trên 100 người/km<sup>2</sup>) ở vùng ven biển của Việt Nam, Mi-an-ma, Thái Lan, một số đảo của In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin. Trong nội địa và ở các đảo dân cư tập trung ít hơn. Nguyên nhân do vùng ven biển thường có các đồng bằng với những điều kiện thuận lợi cho con người sinh sống và phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng các làng mạc, thành phố.

2. Các quốc gia Đông Nam Á có :

| Số TT | Diện tích từ nhỏ đến lớn | Số TT | Dân số từ ít đến nhiều |
|-------|--------------------------|-------|------------------------|
| 1     | Xin-ga-po                | 1     | Bru-nây                |
| 2     | Bru-nây                  | 2     | Đông Ti-mo             |
| 3     | Đông Ti-mo               | 3     | Xin-ga-po              |
| 4     | Cam-pu-chia              | 4     | Lào                    |
| 5     | Lào                      | 5     | Cam-pu-chia            |
| 6     | Phi-líp-pin              | 6     | Ma-lai-xi-a            |
| 7     | Việt Nam                 | 7     | Mi-an-ma               |
| 8     | Ma-lai-xi-a              | 8     | Thái Lan               |
| 9     | Thái Lan                 | 9     | Việt Nam               |
| 10    | Mi-an-ma                 | 10    | Phi-líp-pin            |
| 11    | In-đô-nê-xi-a            | 11    | In-đô-nê-xi-a          |

Khu vực Đông Nam Á bị nhiều đế quốc thực dân xâm chiếm do :

- Giàu tài nguyên thiên nhiên như thiếc, than đá, gỗ,...
- Sản xuất được nhiều nông phẩm nhiệt đới, những thứ các nước Tây Âu cần như hồ tiêu, cao su, cà phê, lạc,...
- Vị trí cầu nối giữa các châu lục, đại dương, có nhiều cảng nằm trên các tuyến đường ngang dọc trong khu vực.